

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo KT- KT, thiết kế BVTC và dự toán  
Công trình: Trường mầm non xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa  
Hạng mục: Nhà lớp học kết hợp hiệu bộ 2 tầng.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/7/2020 của HĐND huyện Triệu Sơn về việc hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện;*

*Căn cứ Quyết định số 6212/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND huyện Triệu Sơn về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện;*

*Theo đề nghị của các ông: Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 245/TĐ-KTHT ngày 26/10/2020; Chủ tịch UBND xã Triệu Thành tại Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 22/10/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế BVTC và dự toán công trình **Trường mầm non xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn** với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên công trình:** Trường mầm non xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn .
- 2. Hạng mục:** Nhà lớp học kết hợp hiệu bộ 2 tầng.
- 3. Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp III.
- 4. Chủ đầu tư:** UBND xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn.

**5. Đơn vị khảo sát thiết kế, lập dự toán xây dựng:** Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Tây Thành.

**6. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Đầu tư xây dựng nhà lớp học kết hợp hiệu bộ 2 tầng đảm bảo nhu cầu dạy và học của Trường mầm non xã Triệu Thành, đảm bảo các tiêu chí trường chuẩn Quốc gia.

**7. Địa điểm xây dựng:** Xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**8. Quy mô, các giải pháp thiết kế chủ yếu công trình.**

### **8.1. Giải pháp kiến trúc:**

Công trình có mặt bằng hình chữ nhật, kích thước 13,3m x 21,6m, gồm 02 tầng; hành lang rộng 1,8m; cầu thang rộng 3,0m; chiều cao các tầng nhà 3,6m, chiều cao từ cos nền nhà đến cos đỉnh mái là 10,1m. Các tầng được bố trí:

- Tầng 1 gồm: Gồm 03 phòng học diện tích 43,9m<sup>2</sup>; phòng kho và khu vệ sinh khép kín nam, nữ riêng biệt.

- Tầng 2 gồm: Gồm 01 phòng học âm nhạc diện tích 61,2m<sup>2</sup>; văn phòng diện tích 43,9m<sup>2</sup> và khu vệ sinh chung; 01 phòng kế toán diện tích 21,56m<sup>2</sup>; 01 phòng Hiệu trưởng diện tích 21,56m<sup>2</sup>.

- Tường xây gạch không nung 2 lỗ (6,5x10,5x22)cm VXM M50#, trát trong và ngoài VXM M75# d=15; Nền nhà lát gạch ceramic 500x500 ;

- Cửa đi, cửa sổ, vách kính cố định là cửa nhựa uPVC lõi thép gia cường, kính trắng dày 5 ly; hoa sắt cửa sổ thép vuông đặc 14x14mm, sơn tĩnh điện.

- Mái xây tường thu hồi gạch không nung 2 lỗ (6,5x10,5x22)cm VXM 50#, xà gồ thép U 80x40x3; mái lợp tôn liên doanh dày 0,4mm chống nóng.

- Lan can tầng 1, tầng 2 bằng lan can thép hộp tay vịn thép ống D60; lan can cầu thang xây gạch không nung 2 lỗ (6,5x10,5x22)cm VXM 50# dày 110, tay vịn BTCT M200# đá 1x2 tiết diện 110x100 trát granitô màu hồng. Bậc cầu thang, bậc tam cấp xây bằng gạch không nung VXM M50#, mặt bậc tam cấp lát đá granitô tự nhiên; mặt bậc cầu thang, chiếu nghỉ lát granitô màu hồng.

- Công trình được lán sơn trực tiếp 1 nước lót 2 nước phủ.

### **8.2. Giải pháp kết cấu :**

- Phần móng: Móng trụ BTCT M200# đá 1x2; móng dưới tường xây đá hộc vữa XM50#; trên móng có hệ giằng móng BTCT đá 1x2 M200# đổ tại chỗ, tiết diện giằng móng 220x300.

- Phần thân: Nhà kết cấu khung sàn chịu lực; Hệ cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 M200# đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình 220x600mm; 220x500mm, 220x300mm; tiết diện cột điển hình 220x300; 220x220mm. Sàn BTCT đá 1x2 dày 10cm; bản BTCT cầu thang bộ dày 10cm.

### **8.3. Giải pháp cấp điện, chống sét:**

- Cấp điện: Được lấy từ mạng điện hiện có kéo vào công trình bằng cáp Cu/PVC 2x10mm<sup>2</sup>; dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x1,5mm<sup>2</sup>, 2x2,5mm<sup>2</sup>; 2x6mm<sup>2</sup>. Hệ thống dây dẫn điện luồn trong ống gen nhựa cứng đi ngầm trong tường và trần.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép  $\phi$ 16 dài 1,0m, dây dẫn sét thép  $\phi$ 10. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m, chôn sâu cách mặt đất 0,8m, dây tiếp địa thép  $\phi$ 12.

#### **8.4. Giải pháp cấp, thoát nước:**

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước của khu vực và được bơm lên téc nước 2m<sup>3</sup> đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh. Ống cấp nước sử dụng các ống PPR.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ chậu, bồn, lavabo, được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC. Nước mưa trên mái được thu về sê nô mái vào các ống đứng thoát nước PVC D110 và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

#### **8.5. Phòng cháy, chữa cháy trong nhà:**

Hệ thống phòng cháy chữa cháy trong nhà gồm: 02 hộp đựng bình chữa cháy; mỗi hộp có 02 bình chữa cháy MFZ4 và 01 bình CO2MT3; bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy được đặt tại vị trí cầu thang.

### **9. Giá trị dự toán và nguồn vốn.**

#### **9.1. Giá trị dự toán : 3.142.570.000đ.**

*(Ba tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây lắp:	2.568.660.000đ;
- Chi phí QLDA:	76.639.474đ;
- Chi phí TVĐTXD:	302.800.178đ;
- Chi phí khác:	44.823.720đ;
- Chi phí dự phòng:	149.646.169đ;

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

**9.2. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn hỗ trợ từ ngân sách huyện theo Quyết định số 6212/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND huyện Triệu Sơn, ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**10. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

**11. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2020.

**Điều 2.** Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây Dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo; Nông nghiệp và PTNN; Chủ tịch UBND xã Triệu Thành; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện Triệu Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

## PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG MẦM NON XÃ TRIỆU THÀNH, HUYỆN TRIỆU SƠN**

**HẠNG MỤC: NHÀ LỚP HỌC KẾT HỢP HIỆU BỘ 2 TẦNG**

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-UBND ngày /10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

ĐVT: VNĐ

TT	DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT(10%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	Gxd	<b>2.335.145.455</b>	<b>233.514.545</b>	<b>2.568.660.000</b>
1	Phần móng		315.170.909	31.517.091	346.688.000
2	Phần thân		2.019.974.545	201.997.455	2.221.972.000
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT BỊ (TẠM TÍNH)</b>	Gtb			
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	Gqlđa	<b>76.639.474</b>		<b>76.639.474</b>
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	Gtv	<b>275.272.889</b>	<b>27.527.289</b>	<b>302.800.178</b>
1	Chi phí khảo sát địa chất, địa hình		52.873.636	5.287.364	58.161.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		123.739.358	12.373.936	136.113.293
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán		11.862.539	1.186.254	13.048.793
4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng		10.087.828	1.008.783	11.096.611
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng		76.709.528	7.670.953	84.380.481
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	Gk	<b>41.763.702</b>	<b>3.060.018</b>	<b>44.823.720</b>
1	Chi phí thẩm định Báo cáo KTKT		298.544		298.544
2	Bảo hiểm công trình		1.868.116	186.812	2.054.928
3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu		2.335.145		2.335.145
4	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		8.529.832		8.529.832
5	Chi phí kiểm toán		28.732.064	2.873.206	31.605.271
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	Gdp	<b>136.441.076</b>	<b>13.205.093</b>	<b>149.646.169</b>
1	Dự phòng do yếu tố phát sinh khối lượng		136.441.076	13.205.093	149.646.169
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.865.262.596</b>	<b>277.306.945</b>	<b>3.142.569.541</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>				<b>3.142.570.000</b>
<b>(Ba tỷ, một trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng)</b>					